

THƠ HAIKU NHẬT BẢN

TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nhận bài:

13 – 10 – 2015

Chấp nhận đăng:

30 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Phương Khánh

Tóm tắt: Thơ haiku là một thể thơ truyền thống của người Nhật với 17 âm tiết, chia 3 dòng theo quy tắc 5/7/5. Haiku có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với bạn đọc văn chương thế giới và đã được đưa vào giảng dạy, nghiên cứu ở nhiều cấp học. Ở Việt Nam, chương trình Ngữ Văn lớp 10 xây dựng bài học về thơ haiku, giới thiệu 2 nhà thơ tiêu biểu là Matsuo Basho và Yosa Buson. Tuy nhiên, đây là một thể thơ đặc biệt với thi pháp khác lạ so với thói quen cảm thụ thông thường. Chính vì thế, hoạt động dạy học cần chú trọng một số khía cạnh đặc điểm thể loại, dấu ấn văn hóa truyền thống, tư duy mỹ cảm của người Nhật để chọn hướng tiếp cận phù hợp. Căn cứ vào mục tiêu bài học, có thể thiết kế nội dung giảng dạy theo các định hướng từ góc độ đặc trưng thể loại và liên văn bản để khơi gợi được sự thích thú, quan tâm, tạo được ấn tượng lôi cuốn ban đầu cho học sinh tiếp thu nét đẹp, tính độc đáo của các biểu hiện thi ca trên khắp thế giới.

Từ khóa: thơ haiku; quý ngữ; cảm thức thẩm mỹ; liên văn bản; thiên.

1. Đặt vấn đề

Trong khi dân tộc Việt Nam tự hào với những câu ca dao lục bát tuyệt bích lại vô cùng ngắn gọn, bài ca dao hầu hết chỉ vồn vẹn trong 14 chữ, thì dân tộc Nhật cũng nổi danh bởi một dòng thơ độc đáo vô song. Đó chính là thơ haiku - bức lụa thùy mặc với những khoảng trống bao la, chỉ thu gọn trong 17 âm tiết. Tiếng Nhật vốn liên âm nên viết bài thơ haiku đôi khi chỉ cần một dòng. Và đặc biệt hơn khi thơ ca thường đi từ ngắn đến phát triển dài hơn, nhiều hơn, thì haiku làm một hành trình ngược lại, thu nhỏ mình từ một thể tanka 31 âm tiết được ngắt thành 5 dòng, vốn đã được xem là vô cùng súc tích.

Thơ haiku đoạn tuyệt với bề rộng để hướng về chiều sâu. Có một khoảng chân không giữa lời và ý. Những nét phác làm khởi điểm cho các dòng suy tưởng và cảm xúc, đôi khi phải có sự tri âm để lắng nghe một tiếng vọng. Thơ haiku ưa thích sự giản dị, bé nhỏ, nâng

ni những sự vật bình thường của cuộc đời trần gian, của thiên nhiên bốn mùa. Một đóa bìm bìm tím, một dây thường xuân, chú chim sẻ, một túp lều... đi vào thơ trong những khoảnh khắc choáng ngợp, người đọc chỉ có thể cảm nhận từ trực giác tâm linh, không phải bằng những cảm quan thường ngày để lĩnh hội những ý tình lẫn khuất của tác giả. Đọc haiku, lắm khi phải đọc rất nhiều lần, đọc đến thuộc lòng, đọc đến nhập tâm mới ngộ được. Hấp lực của haiku nằm ở tính mơ hồ, lãng đãng như khói sương, ở việc quá nhiều điều được gợi ra từ quá ít lời, và ở những cảm thức thẩm mỹ Sabi, Wabi, Karumi... bao trùm lên từng âm tiết. Một người không có tâm hồn sâu sắc, thiếu vốn hiểu biết về văn hóa Nhật, và trong nhiều trường hợp chưa am tường hoàn cảnh sáng tác của bài thơ đó, e khó thâm nhập được vào thế giới haiku.

Nói là vậy, song điều kỳ lạ là thơ haiku lại lan tỏa một sức hấp dẫn đặc biệt đối với độc giả văn chương khắp nơi trên thế giới. Thông thường, một thể thơ dân tộc khi chuyển dịch sang ngôn ngữ khác đã khó, sáng tác bằng thứ tiếng khác càng khó hơn. Kiểu như thật khó mừng tượng được làm sao dùng tiếng Anh để sáng tác thơ lục bát và đạt được những câu thơ kiểu thể này:

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Phương Khánh

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: phuongkhanh82@gmail.com

“Dưới trăng quỳên đã gọi hè/ Đầu tường lửa lựu lập lờ đâm bông” (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du). Ấy vậy mà, người ta vẫn dùng nhiều thứ tiếng khác nhau để sáng tác thơ haiku. Có hẳn một dòng thơ haiku tiếng Anh. Ở Việt Nam cũng có rất nhiều người viết thơ haiku tiếng Việt. Hẳn nhiên nó không thể tuân thủ hoàn toàn các quy tắc haiku của Nhật Bản, song điều này cũng chứng tỏ hấp lực của thơ haiku và sự lan tỏa rộng rãi của thể thơ này trên bức tranh văn chương thế giới.

Điều này giúp lý giải việc thể thơ haiku được đưa vào giảng dạy ở trường trung học phổ thông (THPT), trong chương trình Ngữ Văn cơ bản và nâng cao. Tiết dạy về thơ haiku sẽ mang đến hiểu biết ban đầu về một thể thơ độc đáo của nền văn chương nhân loại, về một thể giới mỹ cảm Đông phương đa dạng đầy chiều sâu, đồng thời còn gợi mở để học sinh hướng ra những ô cửa văn hóa thế giới.

2. Thơ haiku trong nhà trường

Trong chương trình phân ban trước năm 2000, ở ban Khoa học xã hội, lớp 12, văn học Nhật được giới thiệu qua tên tuổi và sáng tác của tác giả nổi tiếng, nhà văn Nhật đầu tiên được giải Nobel Văn chương - Kawabata Yasunari. Trong sách giáo khoa, học sinh được tiếp xúc với thể giới nghệ thuật Kawabata qua truyện ngắn “Thủy nguyệt”. Bên cạnh đó, trong sách *Tuyển tác phẩm văn học 10* của NXB Giáo dục, thơ haiku của Basho đã bắt đầu được giới thiệu. Phần này trong sách gồm có một tiểu dẫn và 14 bài thơ haiku của Basho. Khi hướng dẫn cảm thụ thơ Basho, sách có ghi rằng thơ haiku có thể giúp chúng ta tập luyện các điều sau đây:

- Khi quan sát một sự việc, biết chọn ra chi tiết quan trọng nhất.
- Tình yêu đối với thiên nhiên, hiểu được cuộc sống của ta gắn bó mật thiết với thiên nhiên và vũ trụ.
- Cách dùng từ giản dị nhưng chính xác và cách diễn tả ý tưởng của mình thật ngắn gọn.

Như thế, sách giáo khoa và sách trích tuyển đã hướng người học đến việc gắn bó, liên kết giữa một tác phẩm cụ thể, một thể loại cụ thể của văn học nước ngoài với triết lý giáo dục giúp học sinh có thể rút ra những kết luận, những bài học cần thiết, gần gũi, và thiết thực với tuổi trẻ. Câu chuyện cảm thụ văn chương không phải thuần túy chỉ là vấn đề câu chữ, mà là những giá trị

tinh thần, văn hóa, mỹ cảm. Văn học Nhật Bản dù được đưa vào giảng dạy ít ỏi, song cũng đã đóng góp được những bài học quý.

Sau đổi mới chương trình và sách giáo khoa, thơ haiku được chính thức đưa vào chương trình Ngữ Văn lớp 10 ở cả chương trình cơ bản và chương trình nâng cao, không dạy Kawabata nữa. So với thể thơ đã thành kinh điển của văn học Trung Quốc là thơ Đường (được giảng dạy ở cả cấp trung học cơ sở và THPT Việt Nam) thì thời lượng dành cho dạy học thơ haiku hạn chế hơn nhiều, chỉ có 1 tiết (ở chương trình cơ bản), và 2 tiết (ở chương trình nâng cao). Trong chương trình cơ bản, bài học thơ haiku thuộc phần đọc thêm, chính vì vậy nhiệm vụ của giáo viên chủ yếu là hướng dẫn cho học sinh tự học. Trong 1 tiết, giáo viên phải giúp học sinh nắm được đặc điểm cơ bản của thơ haiku, cuộc đời, sự nghiệp của nhà thơ Matsuo Basho và bước đầu cảm thụ, phân tích được 8 bài thơ của Basho được chọn trong sách giáo khoa. Còn ở chương trình nâng cao, 2 tiết học hướng tới kết quả cần đạt được là học sinh nắm được đặc điểm thể thơ, cuộc đời và sáng tác của 2 nhà thơ Matsuo Basho và Yosa Buson, hiểu ý nghĩa và cảm nhận được vẻ đẹp của những bài thơ haiku (sách giáo khoa giới thiệu 3 bài thơ của Basho và 3 bài thơ của Buson).

Như vậy, có thể nói thơ haiku chỉ mới *bước đầu* được giảng dạy, giới thiệu cho học sinh cấp THPT. Thời lượng không nhiều, phân phối chương trình đặt bài học ở gần cuối học kỳ, gần giai đoạn ôn tập thi học kỳ I, do vậy thường tạo tâm lý ít chú trọng cho cả người dạy và người học. Tâm thế tiếp nhận như vậy nên học sinh cảm thấy khó thấu cảm, khó phân tích được một bài haiku vốn rất khác với thói quen thường thức thơ ca từ trước tới nay. Ngay cả giáo viên nếu chưa chủ động trang bị một vốn kiến thức nhất định về đặc trưng văn hóa Nhật Bản, tư duy thẩm mỹ của người Nhật và thi pháp thơ haiku thì cũng không dễ dàng giải thích thấu đáo các cảm thức thẩm mỹ, triết lý thiên nhiên, vai trò của quý ngữ... trong thơ haiku, trong khi điều này vô cùng cần thiết để hiểu và cảm thụ thể thơ này.

Chính vì thế, sách hướng dẫn dạy học của giáo viên đã trình bày rất kỹ các đặc điểm hình thức và nghệ thuật của thơ haiku, gắn với đặc trưng tư duy người Nhật, đặc trưng ngôn ngữ (tiếng Nhật) và triết lý của người Nhật qua thơ ca. Sách giáo viên cũng nhấn mạnh: “...thơ haiku rất gần với thơ hiện đại. Con đường của thơ hai-cư là

con đường lớn của thơ ca”, và cảm thụ thơ haiku đòi hỏi “người đọc phải mở mắt mà nhìn, lắng tai mà nghe, trải lòng mà nhận biết... Vì vậy, để cảm nhận thơ hai-cư, ta phải vận động các giác quan từ thị giác, thính giác... một cách nhạy cảm và sâu sắc” [3, tr.249-250]. Hướng dẫn dạy học theo chương trình này rõ ràng đã chú trọng nhiều hơn đến phương thức biểu hiện, các giá trị thẩm mỹ gắn với truyền thống văn hóa (quý ngữ, cảm thức thẩm mỹ, triết lý thiên nhiên, tính *Thiên*...) và đòi hỏi một cách tiếp cận khác, cách thưởng thức khác hơn từ phía độc giả. Không đơn thuần là hiểu bài thơ *nói gì*, mà ở chiều sâu hơn, phải *rung động* được cái đẹp và cảm xúc mà bài thơ mang lại.

Tất nhiên, thơ haiku là thể thơ tương đối khó tiếp cận, đặc biệt qua bản dịch. Vì thế, việc hướng dẫn dạy học cũng cần những cách thức sáng tạo hơn, khơi gợi được sự thích thú, quan tâm, tạo được ấn tượng lôi cuốn ban đầu để học sinh tiếp thu nét đẹp, tính độc đáo của các biểu hiện thi ca trên khắp thế giới. Như thế các văn bản, thể loại văn học nước ngoài sẽ trở nên không quá xa lạ, nặng tính hàn lâm mà học trò thường “né tránh”, nhất là khi người học vẫn mang tâm lý “học để thi”.

3. Dạy thơ haiku – một số cách tiếp cận

Như đã nói ở trên, thơ haiku là một thể thơ lạ đối với học sinh và thậm chí với cả giáo viên, không chỉ về thể loại mà còn ở đặc trưng thi pháp. Chính vì thế, cần thiết phải nghiên cứu kỹ đặc điểm thể loại và dấu ấn văn hóa đặc trưng của người Nhật trong tư duy mỹ cảm thơ ca để lựa chọn hướng tiếp cận, hướng dẫn giảng dạy phù hợp. Căn cứ vào mục tiêu bài học, có thể thiết kế nội dung giảng dạy theo các định hướng sau.

a. Từ góc độ đặc trưng thể loại

Thơ haiku ra đời vào thế kỷ XVII, song quá trình hình thành và phát triển thơ ca truyền thống của người Nhật từ thuở ban đầu lập quốc chính là mạch nguồn nuôi dưỡng và tạo dựng bản sắc riêng cho thể thơ độc đáo này. Đầu tiên chính là thể thơ *tanka* 31 âm tiết như những chiếc lá thơ với những cảm xúc tao nhã, xao xuyến trước cái đẹp trong thiên nhiên và lòng người, rất được giới quý tộc thời Heian ưa chuộng. Từ *tanka*, một loại thơ khác là *renga* (liên ca) ra đời. Vào thời văn hóa thị dân Edo, *renga* trở nên phóng khoáng, có tinh thần trào lộng và ngôn ngữ thường ngày, gọi là *haikai no renga* (bài hài renga). *Haikai* bắt đầu có vị trí trên thi

đàn khi rơi vào tay các bậc thầy sáng tạo như Sokan, Basho... Từ đây, từ *hokku* (phát cú) để chỉ khổ thơ khởi xướng cho bài *haiku no renga* ra đời. Nó có hình thức 17 âm tiết, cô đúc, tuy mang ý nghĩa mở đầu cho *haikai* nhưng tự thân *hokku* đã toát ra một sức sống sáng tạo mới lạ. Và những nhà thơ tài năng chưa hài lòng với độ súc tích ngắn gọn của *tanka* thì giờ đây *hokku* bắt đầu trở thành niềm say mê, bởi *hokku* có độ gọn tuyệt diệu, lại thường chiếm vị trí quan trọng đặc biệt, do vậy hay để cho những bậc cao nhân, thi nhân nổi tiếng làm trước. Dần dần, *hokku* vươn lên tách mình độc lập, không phụ thuộc vào *renga* nữa, nó có tên gọi khác là *haiku* (hài cú) kể từ nhà thơ Shiki (1867-1902) trở đi.

Đặc điểm nổi bật của haiku là sự ngắn gọn, hàm súc cô đọng. Với vồn vẹn 17 âm tiết (5-7-5), một bài haiku không bày biện, không tô vẽ, chỉ có những nét gợi, chấm phá của một bức thủy mặc Phương Đông. Haiku là điển hình của thi pháp chân không độc đáo.

“*Sự ngắn gọn của haiku không phải là vấn đề hình thức, haiku không phải là một tư tưởng phong phú rút vào một hình thức ngắn mà là sự tình vẫn tất đã tìm được hình thức vừa vận của nó*” (Roland Barthes)

Haiku vốn không hướng đến những cảm xúc dữ dội, những hình ảnh vĩ đại, những chuyện đời phức tạp. Cảm xúc thơ haiku vốn là sự lóe sáng của trực giác, khởi đầu của mọi nhận thức, một khoảnh khắc của đời sống được tri nhận, thụ hưởng trong cái nhìn thuần khiết nhất. Chính vì thế, đọc một bài thơ haiku, hiển hiện một ý tình rất giản dị, song lại đầy dư âm. Và bởi thơ haiku rất kiệm lời, hình ảnh được gợi lên cũng tinh luyện, đôi khi mọi diễn giải thuần túy bằng lời không thể chạm tới được chiều sâu xúc cảm. Bởi thế, đối với những độc giả không phải người Nhật, để thưởng thức thơ haiku còn cần trang bị một “bối cảnh”, một “tiền giả định” trước khi có thể nắm bắt được tinh thần bài thơ. Chẳng hạn, đọc bài thơ nổi tiếng của Basho (được giới thiệu giảng dạy trong chương trình lớp 10):

Hoa đào như áng mây xa

Chuông đền U-ê-nô vang vọng

Hay đền A-sa-cu-sa [1]

Chúng ta phải nắm được một số hiểu biết cơ bản trước khi cảm thụ thơ: thứ nhất, hoa anh đào của người Nhật có đặc điểm gì? Tượng trưng cho điều gì? (để có thể gắn với liên tưởng “như áng mây xa”, và đi liền với

quy tắc quý ngữ trong thơ). Thứ hai, đèn U-ê-nô và A-sa-cu-sa là bối cảnh không gian như thế nào? Từ đâu để có thể nghe vang vọng tiếng chuông từ hai ngôi đền này?... Chính vì vậy, trong sách giáo khoa có rất nhiều chú thích dành cho các bài thơ haiku. Giáo viên cần lưu ý học sinh đọc kỹ chú thích trước khi tiến đến việc phân tích và thụ cảm bài thơ.

Như thế, trong hoạt động của giáo viên và học sinh cần chú trọng việc thiết kế các câu hỏi nhằm nhắc lại, định hướng cho học sinh bước vào thế giới nghệ thuật của bài thơ haiku vốn không nhiều hình ảnh, không nhiều chuyện kể. Khi nắm bắt được tiền đề của những rung cảm thơ, giáo viên thuận lợi hơn trong việc gợi mở để học sinh có thể chiêm lĩnh được những khoảnh khắc của trực giác thơ vốn đã được cô đọng, tinh giản hướng về chiều sâu.

Một đặc điểm quan trọng của thơ haiku là yếu tố mùa (ki). Bốn mùa luân chuyển, hoặc những sự vật, hình ảnh gợi nhắc đến mùa dường như không thể thiếu được trong những bài haiku: “*Nghĩa là trong hầu hết bài cú ấy, có từ hoặc thành ngữ nào biểu thị mùa sẽ vờn phông cho bức vẽ mà họ thử đưa vào tâm tưởng người đọc*” [6, tr.14]. Điều này có vẻ phù hợp với văn chương của tình cảm và thiên nhiên, luôn có “*sự rung cảm, sự phập phồng nhịp nhàng theo vận tiết của vũ trụ*” (Osawa – dẫn theo Nhật Chiêu, [5, tr.7]). Có thể nói, haiku là thể thơ được tạo nên từ những từ chỉ mùa “*kigo*”. *Kigo* là biểu tượng cho sự kết nối giữa con người với tự nhiên; chứa đựng những giá trị văn hóa. Nắm được các tín hiệu thẩm mỹ từ *kigo* là một trong những quy tắc cơ bản đầu tiên để thụ cảm và phân tích được bài thơ haiku. Điều này vừa gắn với yếu tố văn hóa thẩm mỹ của thơ Nhật (bộc lộ tình yêu thiên nhiên và thường khắc họa bức tranh bốn mùa luân chuyển trong cảm thức đề cao cái đẹp và sự giản dị tự nhiên của sự vật), đồng thời vừa phản ánh một đặc trưng của lối viết, một kỹ thuật biểu hiện của thi ca Nhật. Cách dùng *kigo* có những quy ước nhất định, giúp cho nhà thơ chuyển tải hàm súc nhất tứ thơ của mình trong lượng ít ngôn từ, và cũng là cầu nối để người đọc đồng cảm, tri âm với thế giới thơ ca ấy. Như vậy, trong thiết kế dạy học, giáo viên khi đặt câu hỏi để học sinh xác định quý ngữ, có thể làm rõ ý nghĩa và vai trò của quý ngữ trong quy tắc sáng tạo thơ haiku của người Nhật, để từ đó, học sinh không chỉ nắm được bối cảnh thời gian của bài thơ, mà hơn hết có thể nhìn nhận đây là một tín hiệu thẩm mỹ

quan trọng của tứ thơ, kết nối với quan niệm về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong các bài thơ haiku. Hầu hết các bài thơ trong sách giáo khoa đều đã rõ quý ngữ (tức các mùa được nói trực tiếp), song chẳng hạn bài “*Chim đỗ quyên hót/ ở kinh đô/ mà nhớ kinh đô*” [1], quý ngữ ở đây chính là tiếng chim *hototogisu* (chim đỗ quyên, chim cuốc). Đây là quý ngữ chi mùa hè, cho thấy một thời gian xác định, đồng thời gợi không khí hoài cổ. Học sinh cần chỉ ra được quý ngữ này để lý giải được toàn bộ cảm xúc của nhà thơ Basho.

Phần tiêu dẫn các bài học đều có nhắc đến các cảm thức thẩm mỹ truyền thống, tính Thiền... trong thơ haiku Nhật Bản. Song điều này khó đi trọn vẹn để giảng giải cho học sinh nắm bắt với thời lượng học chỉ có 1-2 tiết. Vì thế, khi đi vào phân tích các bài thơ cụ thể, thiết nghĩ 2 vấn đề được đề cập ở trên là cách thức tiến hành hướng dẫn dạy và học đầu tiên để bước đầu cho học sinh tiếp cận thơ haiku. Sau khi học sinh nắm bắt được nội dung cơ bản, thụ cảm được tứ thơ và cảm xúc thẩm mỹ trong thơ, có thể giáo viên sẽ mở rộng khả năng liên tưởng, cho học sinh tự do hình dung về những tình cảm, sắc thái cảm xúc, yếu tố tĩnh lặng, cô tịch hay niềm xao xuyến dịu nhẹ, nổi bật khuâng man mác lắng đọng hay sự giản dị thâm trầm... toát lên từ những hình tượng thơ. Hoặc dẫn dắt để học sinh thấy được nét tương phản và tương giao của sự vật trong thế giới haiku, tạo nên chiều sâu giữa lời và ý, những khoảng trống cho sự tri nhận, “*đốn ngộ*” tâm linh. Chẳng hạn khi dạy bài *Vắng lặng u trầm/ thấm sâu vào đá/ tiếng ve ngâm* (Basho) [1], giáo viên có thể đặt câu hỏi về đặc điểm không gian cảnh vật (*vắng lặng u trầm*), gợi ý cho học sinh tưởng tượng sự tịch lặng sâu thẳm của cảnh, trong đó tiếng ve như thể là âm thanh duy nhất vang lên, như xuyên thấu mọi vật. Đây chính là cảm thức *sabi* (tịch) – một cảm thức thẩm mỹ truyền thống của người Nhật in đậm trong thơ haiku của Basho, hướng về linh hồn tịch liêu muôn đời của nhân thế. Trong đó, hình tượng *đá* – một sự vật hữu hình, đối lập với *tiếng ve* – âm thanh vô hình (sự tương phản), song lại xuyên thấu, hòa hợp, chuyển hóa lẫn nhau và vào nhau (sự tương giao). Như thế, kết hợp với việc để học sinh nắm được bối cảnh của bài thơ này (nằm trong tập *Oku no hosomichi*, khi Basho đến chùa Ryusakuji, leo lên núi đá để vào chính điện, lòng thanh thản giữa cảnh vật tịch tịch), xác định quý ngữ của bài thơ là “*tiếng ve*” (chỉ mùa hạ), giáo viên có thể khơi gợi cho học sinh cảm

nhận được triết lý về thiên nhiên, về đời sống của Basho và tính liên tưởng độc đáo trong thơ haiku.

b. Từ phương thức liên văn bản

Thơ haiku Nhật Bản có thể nói là một thể thơ thuần khiết, mang đậm linh hồn văn hóa Phù Tang. Vì thế, có thể vận dụng tính chất liên văn bản để giải mã các tác phẩm thơ haiku cũng như tạo sự hấp dẫn cho hoạt động dạy học.

Trước hết là liên văn bản dưới góc độ liên ngành: văn hóa học, mỹ học và văn học. Khi thiết kế phần dẫn nhập, có thể lôi cuốn học sinh tập trung chú ý vào bài học bằng cách yêu cầu cung cấp các từ khóa liên quan đến Nhật Bản, học trò sẽ nhớ ngay đến truyện tranh, hoạt hình Nhật Bản, ẩm thực, trà đạo, trang phục kimono, gấp giấy origami, võ sĩ đạo samurai, hoa anh đào... Từ đây, giáo viên sẽ khéo léo nhấn mạnh tính chất duy mỹ trong đời sống văn hóa Nhật Bản, niềm yêu thích thiên nhiên và cái đẹp trong tâm thức dân tộc Phù Tang, cội nguồn sản sinh nền văn chương thâm đắm về đẹp tao nhã, hàm súc giản dị mà sâu thẳm lắng đọng. Như thế, từ cảm giác gần gũi với nền văn hóa đại chúng xứ sở hoa anh đào, học sinh sẽ dễ dàng có phản ứng tích cực khi thâm nhập vào thế giới nghệ thuật Nhật Bản, một phương diện đặc sắc của bức tranh văn hóa độc đáo của người Nhật. Nếu sử dụng giáo án điện tử, giáo viên sẽ thuận lợi hơn trong việc trình chiếu nhanh các vẻ đẹp văn hóa Nhật Bản, tạo mối liên tưởng, đồng thời kết nối liên văn bản với đặc trưng thi ca Nhật.

Người Nhật thường thích những sự vật nhỏ bé, xinh xắn, tinh tế (như thái độ nâng niu cánh anh đào mong manh), vì vậy thể thơ haiku 17 âm tiết như một chiếc lá, một giọt sương... cũng phản ánh rõ tư duy mỹ học như thế. Khuynh hướng ưa chuộng cách trình bày đề tài một cách ngắn gọn, chính xác, gợi tâm trạng gắn liền với hình ảnh thiên nhiên là đặc điểm thi phú Nhật Bản ngay từ thuở ban đầu lập quốc và xây dựng văn chương thành văn. Đặc trưng lớn trong mỹ học truyền thống Nhật Bản là xem trọng lối biểu hiện tượng trưng hơn là lối miêu tả tả thực. Chính vì vậy, sách hướng dẫn dạy học dành cho giáo viên đã nhấn mạnh thủ pháp tượng trưng trong thơ haiku, và người dạy chuyển tải điều này đến với người học một cách hợp lý, sinh động, rõ ràng là xuất phát từ quan niệm mỹ học của người Nhật. Chỉ vài nét phác mà có thể gợi ra cả bức tranh thủy mặc đầy chiều sâu. Khoảng trống về thời gian và không gian được tạo ra

một cách nghệ thuật đã trở thành một yếu tố quan trọng của mỹ học. Trong quan niệm truyền thống Nhật Bản, khoảng cách giữa tự nhiên và nghệ thuật là vô cùng gần gũi. Những bí ẩn xa xôi, sâu thẳm của tự nhiên và tâm hồn con người không thể nào biểu hiện được qua sự miêu tả mà chỉ có thể biểu hiện được qua sự ám chỉ. Và sự ám chỉ càng đơn giản thì hiệu quả càng lớn lao. Chính vì thế, bức tranh tối giản về con quạ chiều thu (*Trên cành khô/ con quạ đậu/ chiều thu*) [2] của Matsuo Basho là ẩn dụ qua không gian cô tịch, quạnh hiu và những chứng ngộ sâu thẳm bên trong giữa mối quan hệ khách thể - chủ thể.

Một đặc trưng khác của nghệ thuật là hướng đến cái đẹp tự nhiên, giản dị, khinh ghét cái hoa mỹ, cầu kỳ màu sắc. Với người Nhật, sự hòa quyện giữa con người và thiên nhiên trong một cái nhìn nhất thể, trân trọng những sự vật nhỏ bé, khiêm nhường lẻ loi (như một chú khi, một tàu lá chuối, một con quạ cô độc, một chiếc ô, một cái áo toi...) là một phẩm chất quan trọng. Đó là lý do vì sao các hình ảnh cây hoa, động vật, đồ vật, phong cảnh theo mùa... được dẫn nhiều trong thơ. Basho yêu cây chuối, rung động trước những âm thanh té vi từ tàu lá trong mưa đêm, hay Buson vẽ nên bức tranh xuân từ hai hình ảnh đời thường chân chất (áo toi và ô) chính là thể hiện cảm xúc con người với thiên nhiên là một.

Điều này mở rộng hơn có thể gắn với một cách thức tiếp cận để phân tích, giải mã tư duy, cảm hứng và hình tượng thơ haiku một cách sinh động hơn qua việc liên văn bản với các tác phẩm thơ ca Việt Nam và Trung Quốc có tính chất gần gũi về mặt thể loại và phương thức biểu hiện. Đây chính là thủ pháp liên văn bản theo cách thức cổ điển nhất, tức là liên hệ giữa văn bản này với văn bản khác, giúp chú thích rõ hơn, cảm nhận liên tưởng cụ thể hơn. Trong việc dạy học thì cách thức này vẫn là một sự lựa chọn hiệu quả nhằm minh họa, so sánh để học sinh có thể dễ dàng nắm bắt kịp các ý tình trong văn bản thơ ca, vốn mệnh mang sâu thẳm và đôi khi cực kỳ thần bí. Chẳng hạn, khi trình bày những đặc điểm thơ haiku, có thể liên hệ ngay thể tứ tuyệt Đường thi Trung Quốc, điển hình nhất là bài học liền trước bài thơ haiku, bài *Điểu minh giản (Khe chim kêu)* của Vương Duy. Người đọc cũng phải vận dụng mọi giác quan để rung động một cách tinh tế, nhạy bén trước bức tranh phong thủy tĩnh mịch, ẩn giấu một chủ thể trữ tình đang lặng lẽ quan sát và cảm nhận. Hoặc ở mỗi bài thơ

haiku chúng ta đều có thể liên tưởng đến nhiều ý thơ của các tác giả khác, như chính con đường mà sách giáo viên đã gợi ý. Ví dụ bài “*Đất khách mời mùa sương/ về thăm quê ngoảnh lại/ Edo là cố hương*” (thơ Basho, sách giáo khoa lớp 10 chương trình cơ bản) [1], chúng ta có thể thấy ý thơ này trong bài *Độ Tang Càn* của Giả Đào, một nhà thơ Trung Quốc. Bài thơ của Giả Đào rõ ý hơn, triết lý về quy luật tình cảm của con người với bất cứ mảnh đất nào bước chân từng qua đều để lại những nỗi niềm, ký ức, gắn bó và yêu thương trong tâm hồn. Giáo viên có thể giải thích ý trong bài thơ Giả Đào, như thể sẽ giúp học sinh cảm nhận sâu sắc hơn tứ thơ của Basho vốn kiệm lời hơn (phải đọc thêm chú thích mới hiểu được Edo chính là đất khách). Hay khi học bài thơ “*Cây chuối trong gió thu/ tiếng mưa rơi tí tách vào chậu/ ta nghe tiếng đêm*” (Basho) [2], giáo viên phải chú giải về hình ảnh cây chuối Nhật Bản, khác với cách hiểu thông thường của học sinh Việt Nam. Chuối Nhật tượng trưng cho sự trong sáng và tính nhạy cảm, là loại cây mà Basho rất yêu thích. Ông đã trồng bên mái lều của mình một cây chuối và viết nhiều bài thơ về loại cây này: “*Cây chuối trông rồi/ cỏ cây quanh đó/ chẳng còn đáng ưa*”.

Mỗi bài thơ haiku là một khoảnh khắc lóe sáng của trực giác, là khởi đầu của cảm xúc trước vạn vật. Kiểu như bài “*Mỏi gót lang thang/ đêm tìm quán trọ/ gặp hoa từ dăng*” (Basho – Nhật Chiêu dịch). Phút giây chạm mặt cái đẹp là khởi sự của mọi thăng hoa, nhưng lời thơ thì ngừng lại. Thơ trào dâng nhiều ý tình liên tưởng, nhiều khoảng trống cho lặng lẽ cảm nghiệm, say mê. Thế giới ấy bởi vậy có sự giao hòa, gặp gỡ, chùng xấp nhiều văn bản của thơ ca, của Thiền, của hội họa. Đặc biệt, haiku nổi tiếng với đặc điểm Thiền tính trong thơ. Bởi vậy, trong quá trình dạy học, giáo viên có thể lưu ý

liên hệ với các thể loại thơ Thiền thời trung đại mà học sinh đã học.

4. Kết luận

Thơ haiku vẫn là một thể loại mới mẻ đối với học sinh trung học. Bởi những đặc trưng bút pháp khác biệt của haiku, giáo viên cũng cần xây dựng một số cách tiếp cận làm sao vừa truyền thụ được kiến thức, đồng thời tạo sự rung động, niềm yêu thích hứng thú đối với văn học nước ngoài cho người học. Tất nhiên, dạy học không chỉ là khoa học mà còn là nghệ thuật. Sự uyển chuyển, sáng tạo trong dạy học đều bắt nguồn từ niềm đam mê và sự nắm vững các thông tin tri thức cần truyền thụ của giáo viên. Dù chưa được dành thời lượng nhiều tiết học ở chương trình giáo dục phổ thông, song thơ haiku vẫn là một trong những thể thơ độc đáo xứng đáng được giới thiệu nhằm hoàn thiện thêm hiểu biết về bức tranh văn học thế giới của học sinh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Sách giáo khoa môn Ngữ Văn, chương trình cơ bản, Nxb Giáo dục.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Sách giáo khoa môn Ngữ Văn, chương trình nâng cao, Nxb Giáo dục.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Sách giáo viên môn Ngữ Văn, Nxb Giáo dục.
- [4] Nhật Chiêu (1998), Thơ ca Nhật Bản, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Nhật Chiêu (2003), Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Harold G. Henderson (2000), Hài cú nhập môn, Nxb Trẻ.

JAPANESE HAIKU IN THE LITERATURE CURRICULUM OF HIGH SCHOOL EDUCATION

Abstract: Haiku is a traditional Japanese style of poetry with 17 syllables divided into three lines and written in the 5/7/5 syllable rule. Haiku has strong appeal to literature readers all over the world and has been included in teaching and researching tasks at many academic levels. In Vietnam, haiku is taught in some lessons of the subject Literature for the 10th grade, which introduce two typical Japanese poets Matsuo Basho and Yosa Buson. However, to the ordinary perception, this is a special genre with a special prosody, so teaching and learning haiku should focus on some aspects concerning its genre characteristics, the Japanese traditional culture identity and sense of aesthetics in order to employ appropriate approaches. Based on the objectives of the lessons, teaching contents can be designed following the genre's characteristics and intertextuality to evoke learners' interest and excitement, bringing them initial impressions and perception of the beauty and originality of worldwide literary expressions.

Key words: haiku; honourable words; sense of aesthetics; intertextuality; Zen;